TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HNGĐ - ST
Ngày 21 – 4 – 2026
V/v Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân Giao và ông Y Phong Êban

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Ngọc – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 442/2025/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Bà Đặng Thị Minh T; sinh năm: 1953;

Địa chỉ: Số nhà B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của bà T đối với yêu cầu chia tài sản: Ông Bùi Văn C; địa chỉ: A Y, phường B, tỉnh Đắk Lắk;

*** Bị đơn**: Ông Nguyễn Thanh X; sinh năm: 1950;

Địa chỉ: Thôn 2xx, xã VX, tỉnh Tuyên Quang

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B N, phường T, tỉnh Đắk Lắk

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thị Minh T, người đại diện theo ủy quyền của bà T đối với yêu cầu chia tài sản là ông Bùi Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là tỉnh Hưng Yên) tuy nhiên, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T và ông X đã sống ly thân nhiều năm nay mà không có giải pháp nào để hàn gắn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó bà Đặng Thị Minh T đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1983. Hiện nay chị B đã đủ 18 tuổi nên bà T không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống sau khi vợ chồng sống ly thân, bà Đặng Thị Minh T có tạo lập riêng được tài sản là thửa đất số 18; tờ bản đồ số 01; Diện tích 48,2m^2, Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG 687776; Số vào sổ cấp GCN: CH 06359 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/10/2011; Đứng tên bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X. Địa chỉ thửa đất toạ lạc tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk).

- Về nguồn gốc sử dụng đất: Vào ngày 10/2/1992, bà Đặng Thị H là em gái của bà T có chuyển nhượng thửa đất trên cho cá nhân bà T. Sau đó năm 2007, bà T có đi làm thủ tục kê khai cấp GCN quyền sử dụng đất lần đầu. Theo phiếu lấy ý kiến dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 28/5/2009 của UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (cũ) xác định chủ sở hữu thửa đất trên là bà Đặng Thị Minh T.

Tuy nhiên, đến năm 2011, bà Đặng Thị Minh T được Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (cũ) cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu sở hữu nhà ở và tài sản thì trên GCNQSD đất lại có tên bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng thửa đất trên bà T và ông X đã sống ly thân, toàn bộ tiền mua đất và làm nhà hoàn toàn là tiền của cá nhân bà T, ông X không có công sức đóng góp gì đối với tài sản trên.

Do đó, bà Đặng Thị Minh T đề nghị TAND Khu vực 1 – Đắk Lắk công nhận diện tích đất nói trên là tài sản của riêng bà T, bà T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, chỉnh lý và đăng ký biến động đứng bà Đặng Thị Minh T theo quy định của pháp luật.

Về tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Đặng Thị Minh T tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23 tháng 3 năm 2026 (được Trung tâm P, tỉnh Tuyên Quang xác nhận), bị đơn ông Nguyễn Thanh X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi (Nguyễn Thanh X) và bà Đặng Thị Minh T nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982, nhưng không đăng ký hôn theo quy định của pháp luật.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống vợ chồng, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Hiện vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Tôi xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng tình cảm không thể hàn gắn được nữa, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với tôi, thì tôi đồng ý. Đồng thời tôi đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết vụ án này.

- Về con chung: Tôi và bà Đặng Thị Minh T có 01 người con chung là Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1983. Hiện nay, cháu Nguyễn Thị Thanh B đã đủ 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống sau khi vợ chồng sống ly thân từ năm 1984, hai bên không còn quan tâm nhau nữa. Đối với tài sản là thửa đất số 18; tờ bản đồ số 01; Diện tích 48,2m², Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; Thời hạn sử dụng: Lâu dài; Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG 6877xx; Số vào sổ cấp GCN: CH 06359 do Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11/10/2011; Đứng tên bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X. Địa chỉ thửa đất toạ lạc tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (cũ), thì tôi xác định:

Về nguồn gốc sử dụng đất, vào ngày 10/2/1992, bà Đặng Thị H là em gái bà T có chuyển nhượng thửa đất trên cho bà T để làm nhà. Sau đó, năm 2007, bà T đi làm thủ tục kê khai cấp GCN quyền sử dụng đất lần đầu. Theo phiếu lấy ý kiến dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất ngày 28/5/2009 của UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (cũ) xác định chủ sở hữu thửa đất trên là bà Đặng Thị Minh T.

Tôi không biết tại sao, tôi lại có tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG 687776. Tại thời điểm bà T nhận chuyển nhượng thửa đất trên tôi và bà T đã sống ly thân, toàn bộ tiền mua đất và làm nhà hoàn toàn là tiền của bà T, tôi không liên quan không có công sức đóng góp gì đối với tài sản trên.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với tôi, thì tôi đồng ý.

2. Về tài sản: Bà T đề nghị Tòa án xác định và công nhận thửa đất số 18, tờ bản đồ số: 1; Diện tích: 48,2m², Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BG 6877xx; Số vào số cấp GCN: CH 06359 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 11/10/2011, Đứng tên bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X. Địa chỉ thửa đất toạ lạc tại: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (cũ) là tài sản riêng của cá nhân bà Đặng Thị Minh T.

- Bà Đặng Thị Minh T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, chỉnh lý và đăng ký biến động đứng bà Đặng Thị Minh T theo quy định của pháp luật.

Thì quan điểm của tôi: Tôi xác định thửa đất trên tôi không liên quan và không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản này nên đây là tài sản riêng của bà T, tôi không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đồng thời ông Nguyễn Thanh X có đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo.

- Về nội dung vụ án: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng Thị Minh T

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X.

Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 1, diện tích 48,2m^2; địa chỉ thửa đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6877xx do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011 thuộc quyền sở hữu của bà Đặng Thị Minh T.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chi phí tố tụng và án phí: Bà Đặng Thị Minh T tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, số tiền này bà T đã nộp và đã chi phí xong. Bà Đặng Thị Minh T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, chia tài sản khi ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh X có địa chỉ thường trú tại: Thôn B, xã V, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh X có văn bản đồng ý đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1982 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, bà T và ông X có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1983. Do đó, có căn cứ xác định bà T và ông X xác lập quan hệ hôn nhân trước ngày 03/01/1987. Đây là hôn nhân thực tế được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 01/2001. Nếu một bên hoặc cả hai bên có yêu cầu ly hôn, thì Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

Quá trình chung sống, các đương sự đều xác nhận phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Hai bên đã sống ly thân trong thời gian dài, không còn khả năng hàn

gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn ông Nguyễn Thanh X cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Minh T.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X có 01 con chung là chị Nguyễn Thị Thanh B, sinh năm 1983. Hiên nay con chung đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, diện tích 48,2m², tọa lạc tại phường T, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của bà Đặng Thị Minh T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ hồ sơ thu thập được tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ - Chi nhánh K và lời trình bày của các đương sự thì thửa đất nói trên có nguồn gốc do bà Đặng Thị Minh T nhận chuyển nhượng từ bà Đặng Thị H vào năm 1992. Bà Đặng Thị H xác định, tại thời điểm bà chuyển nhượng đất cho bà T thì bà T và ông X đã sống ly thân, không còn ở chung với nhau nữa, việc mua bán ông X không tham gia. Năm 2007, khi bà Đặng Thị Minh T đi làm thủ tục kê khai cấp GCNQSD đất đã ghi tên chồng là ông Nguyễn Thanh X vào mục người sử dụng đất. Trong thời gian đợi cấp GCNQSD đất, ngày 26/01/2010, bà Đặng Thị Minh T có đơn xin xác nhận với nội dung: "Chồng tôi không có liên quan đến tài sản nhà cũng như đất ở. Vì từ năm 1984 đến nay chồng tôi không sinh sống cùng tôi và cũng không có hộ khẩu ở Đắk Lắk". Tuy nhiên, đến năm 2011, khi được cấp GCNQSD đất, trong Giấy chứng nhận vẫn có tên ông Nguyễn Thanh X.

Tại Văn bản trình bày ý kiến đề ngày 23/3/2026, bị đơn ông Nguyễn Thanh X cũng xác định: ông và bà T đã ly thân từ năm 1984. Khi bà T nhận chuyển nhượng đất thì ông và bà T đã ly thân, tiền mua đất và làm nhà toàn bộ là tiền của bà T, ông X không liên quan và không có công sức đóng góp gì đối với tài sản nói trên.

Như vậy, mặc dù mặc dù Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, diện tích 48,2m², tọa lạc tại phường T, tỉnh Đắk Lắk cấp cho bà Đặng Thị Minh T và ông Nguyễn Thanh X, tuy nhiên có đủ căn cứ xác định, ông X không góp tiền vào việc nhận chuyển nhượng đất, không có công sức đóng góp, tôn tạo, làm tăng giá trị của thửa đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Minh T đề nghị công nhận thửa đất số 18, tờ bản đồ số 01, diện tích 48,2m², tọa lạc tại phường T, tỉnh Đắk Lắk là tài sản riêng của bà Đặng Thị Minh T là có cơ sở để chấp nhận.

[2.4]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[3.1]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh T tự nguyện chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này bà T đã nộp và đã chi phí xong nên HĐXX không đề cập xem xét.

[3.2]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Minh T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đặng Thị Minh T đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 1, Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Áp dụng Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTCBTP ngày 03 tháng 1 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Minh T

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Minh T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh X

2. Về con chung: Đã đủ 18 tuổi nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 18, tờ bản đồ số 1, diện tích 48,2m^2; địa chỉ thửa đất tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 6877xx do UBND thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 11 tháng 10 năm 2011 là tài sản riêng của bà Đặng Thị Minh T.

Bà Đặng Thị Minh T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện việc chỉnh lý, đăng ký biến động theo quy định của pháp luật.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

5. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Về chi phí tố tụng: Bà Đặng Thị Minh T tự nguyện chịu 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này bà T đã nộp và đã chi phí xong.

- Về án phí: Bà Đặng Thị Minh T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 1 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 1;
- Đương sự;
- UBND phường T, tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Hương Giang